

Bản án số: 879/2022/HC-PT

Ngày: 08 - 11 - 2022

V/v Khiếu kiện quyết định giải quyết  
khấu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Duyên

*Các Thẩm phán:* Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Vũ Ngọc Huỳnh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Hồng Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 271/2022/TLPT-HC ngày 30 tháng 5 năm 2022 về việc “Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2022/HC-ST ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1570/2022/QĐ-PT ngày 08 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1977 (có mặt);

Địa chỉ: Xóm X1, thôn T, xã C, huyện T1, tỉnh Bình Thuận.

**Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:** Ông Nguyễn Hữu Chinh N, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: Xóm X1, thôn T, xã C, huyện T1, tỉnh Bình Thuận.

**- Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt);

**Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:**

**- Bà Nguyễn Thị Tuyết N1:** Luật sư, Cộng tác viên của Trung tâm tư vấn pháp luật Hội luật gia tỉnh Bình Thuận (có mặt);

- Ông Võ Văn L - Quyền Chánh thanh tra Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Thuận (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1.

2/Ủy ban nhân dân huyện T1.

*Người đại diện hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1, Ủy ban nhân dân huyện T1:* Ông Nguyễn Trung T2, chức vụ: Chủ tịch (xin xét xử vắng mặt);

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1, Ủy ban nhân dân huyện T1:* Ông Bùi Đắc Đ; chức vụ: Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T1 (có mặt)

3/Ủy ban nhân dân xã C, huyện T1 (vắng mặt)

4/Ông Nguyễn Hữu Chinh N, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: Xóm X1, thôn T, xã C, huyện T1, tỉnh Bình Thuận.

- *Người kháng cáo:* Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, biên bản đối thoại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, phía người khởi kiện trình bày:*

Bà Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy một phần Quyết định số 1186/QĐ-UBND ngày 05/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của bà Nguyễn Thị T; hủy Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 26/02/2016 của Ủy ban nhân dân huyện T1 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị T trú tại xóm 1, thôn T, xã C (lần đầu); buộc Ủy ban nhân dân huyện T1 thực hiện hành vi bồi thường đối với diện tích đất đã thu hồi của gia đình bà T theo giá đất tại vị trí 3. Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện T1 bán lại cho bà T 01 lô đất ở khu A3, xã C (vì trước khi thu hồi bà T đã xây dựng căn nhà cấp 4 kiên cố, đầy đủ tiện nghi trên đất), đền bù giá trị con đường đất đỏ dài 500m, ngang 4m cho bà T; đền bù toàn bộ tài sản trên đất bị thu hồi cho bà T; đền bù tiền mất thu nhập trên 3 năm vì lệnh cấm nuôi tôm của Ủy ban nhân dân tỉnh và huyện cho bà T, tổng thiệt hại mất thu nhập là 150.000.000 đồng/năm x 3 năm = 450.000.000 đồng.

*Người bị kiện trình bày:*

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận ban hành Quyết định số 1186/QĐ-UBND ngày 05/5/2017 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị T là đúng trình tự, thẩm quyền và đúng với quy định của pháp luật.

Người bị kiện không chấp thuận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đề nghị nâng vị trí đất bồi thường từ vị trí 5 lên vị trí 3, tại xã C, huyện T1, Lý do: Vị trí đất thu hồi của bà T không đáp ứng được điều kiện nào trong 4 điều kiện (Nằm tiếp giáp các trục đường giao thông rộng từ 6m trở lên; Có khoảng

cách tính theo đường vận chuyển tới khu dân cư hoặc điểm dân cư tập trung không quá 500m, có độ phì từ mức trung bình trở lên; chủ động được nước tưới tiêu từ 70% trở lên) quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 5 Chương I Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 66/2013/QĐ-UBND ngày 23/12/2013 (nay là Quyết định số 59/2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2014).

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện T1 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1 trình bày:*

Thông nhất với Quyết định số 1186/QĐ-UBND ngày 05/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị T (lần hai), giữ nguyên Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 26/02/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Nguyễn Thị T là đúng quy định pháp luật về đất đai.

Việc bà Nguyễn Thị T đề nghị nâng vị trí đất bồi thường cho bà từ vị trí 5 lên vị trí 3, tại xã C huyện T1 là không có cơ sở chấp nhận bởi các lý do như sau: Kiểm tra hồ sơ thu hồi đất, hiện trạng vị trí đất của bà T không đáp ứng được điều kiện nào trong 4 điều kiện quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 5 Chương I Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 66/2013/QĐ-UBND ngày 23/12/2013 (nay là Quyết định số 59/2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2014).

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã C trình bày:*

Thông nhất với quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1 và quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận, yêu cầu khởi kiện của bà T là không có căn cứ để chấp nhận.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu Chinh N trình bày:*

Thông nhất lời yêu cầu khởi kiện, căn cứ khởi kiện của người khởi kiện, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2022/HC-ST ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã quyết định như sau:*

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T:

1. Hủy Điều 1 của Quyết định số 1186/QĐ-UBND ngày 05/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị T.

2. Hủy Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 26/02/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị T.

3. Hủy Quyết định số 1034/QĐ-UBND ngày 13/02/2015 của Ủy ban nhân dân huyện T1 về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Nguyễn Thị T thuộc công trình: Khu sản xuất giống thủy sản tập trung tại xã C, huyện T1;

4. Hủy Quyết định số 728/QĐ-UBND ngày 03/3/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T1 về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Nguyễn Thị T để giải tỏa thi công công trình: Khu sản xuất giống thủy sản tập trung tại xã C, huyện T1;

5. Buộc Ủy ban nhân dân huyện T1 phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/01/2022 người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện bà Nguyễn Thị T (có ông Nguyễn Hữu Chinh N là đại diện theo ủy quyền) vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận xin xét xử vắng mặt.

Phản tranh luận:

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu: Khi thu hồi đất Ủy ban nhân dân đã xem xét hỗ trợ cho người dân để đảm bảo quyền lợi cho người dân bị thu hồi đất. Bản án sơ thẩm đã cho rằng bà T chủ động tưới tiêu nên đủ điều kiện bồi thường vị trí 1 là không đúng, vì xã C không thuộc danh mục chủ động tưới tiêu. Mặt khác, theo người bị kiện được biết có một số vụ án người dân khởi kiện đối với dự án này, có nội dung tương tự đã được Tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Tuy nhiên, bản án phúc thẩm đã bị Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hủy, để xét xử phúc thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị kiện, bác yêu cầu khởi kiện của người dân. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị kiện, sửa bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà T.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện T1, và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1 phát biểu giữ nguyên nội dung trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị kiện.

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày: Người khởi kiện là người dân nên chỉ biết vùng đó là vùng nuôi trồng thủy sản, và tin tưởng pháp luật sẽ công minh xem xét quyền lợi cho người dân. Người khởi kiện đã giao đất cho nhà nước, yêu cầu được tính giá đất bồi thường theo vị trí 3, hoặc là vị trí 4 để số tiền bồi thường được cao hơn, hiện tại giá bồi thường áp dụng thì quá thấp ảnh hưởng đến đời sống của người khởi kiện vì nuôi trồng thủy sản là nguồn thu nhập chính.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:*

Về thủ tục tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành đúng theo quy định của luật tố tụng hiện hành, không làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Xét về nội dung vụ án: Bản án sơ thẩm xử có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát,

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện T1, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1, Ủy ban nhân dân xã C xin vắng mặt, hoặc đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính tiến hành xét xử vụ án.

[2] Thực hiện dự án Khu sản xuất giống thủy sản tập trung xã C, huyện T1, ngày 25/8/2014 Ủy ban nhân dân huyện T1 ban hành Quyết định số 6883/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị T diện tích 13.390,2m<sup>2</sup>, loại đất nuôi trồng thủy sản nước lợ, mặn (TSL). Ngày 13/02/2015 Ủy ban nhân dân huyện T1 ban hành Quyết định số 1034/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ đất đai và tài sản trên đất cho hộ bà Nguyễn Thị T. Bà T khiếu nại. Ngày 26/02/2016 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1 có Quyết định số 383/QĐ-UBND chấp nhận một phần đơn khiếu nại. Ngày 05/5/2017 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận có Quyết định số 1186/QĐ-UBND có nội dung giữ nguyên Quyết định 383/QĐ-UBND.

Ngày 30/10/2017 bà T có đơn khởi kiện yêu cầu: Hủy một phần Quyết định số 1186/QĐ-UBND ngày 05/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận; Hủy Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 26/02/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1; Công nhận phần diện tích đất 13.390,2m<sup>2</sup> thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà T và buộc Ủy ban nhân dân huyện T1 thực hiện hành vi bồi thường đối với diện tích đất đã thu hồi của gia đình bà T theo quy định của pháp luật.

[3] Bản án sơ thẩm nhận định:

- Căn cứ theo Quyết định 3403/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận về việc phê duyệt danh mục các vùng có mức tưới tiêu chủ động từ 70% trở lên vào thời điểm 2014 trên địa bàn tỉnh Bình Thuận và Quyết định số 3713/QĐ-UBND ngày 24/12/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận về việc phê duyệt kết quả phân loại độ phì đất nông nghiệp huyện T1, thì vị trí đất mà bà T bị thu hồi thuộc xã C, huyện T1, không nằm trong danh mục các địa bàn được quy định tại 02 Quyết định nêu trên. Vì vậy, Ủy ban nhân dân huyện T1 tính toán giá đất bồi thường, hỗ trợ cho bà T theo vị trí 05 là phù hợp.

Tuy nhiên, đất của bà T bị thu hồi được xác định là đất nuôi trồng thủy sản lợ, mặn. Việc Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận sử dụng tiêu chí độ phì đối với đất trồng cây hàng năm, cây lâu năm để quy định cho vùng nuôi trồng thủy sản là hoàn toàn chưa phù hợp thực tế. Trong quá trình giải quyết khiếu nại, Ủy ban

nhân dân đã xem xét tính toán hỗ trợ công đào ao cho bà T, nên việc bà T cho rằng đất của bà đáp ứng tiêu chí độ phì là chưa phù hợp.

Đối với tiêu chí chủ động nước tưới tiêu đạt từ 70% trở lên thì Hội đồng xét xử thấy rằng khu vực đất thu hồi là đất nuôi trồng thủy sản cho nên việc chủ động nguồn nước là điều kiện bắt buộc, theo sơ đồ thu hồi tổng thể thì dự án này nằm dọc theo biển G, xã C. Mặt khác, theo văn bản số 220/BC STNMT của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Thuận có nội dung đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Hội đồng tư vấn đề tham vấn ý kiến các ngành xem xét yếu tố độ phì, nước tưới tiêu. Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tiêu chí độ phì để xếp vị trí đất đối với trường hợp của bà T, nhưng chấp nhận về tiêu chí chủ động nước tưới tiêu. Do đất của bà T bị thu hồi đáp ứng được 01 tiêu chí trên, cho nên việc bà T yêu cầu bồi thường phải xét lại vị trí đất là hoàn toàn có căn cứ.

- Đối với yêu cầu khởi kiện về việc Ủy ban nhân dân huyện T1 bán lại cho bà T 01 lô đất ở khu A3, xã C thì không có cơ sở chấp nhận, bởi bà T bị thu hồi đất nuôi trồng thủy sản, không phải đất ở. Ngoài ra, bà T không cung cấp được chứng cứ chứng minh có thiệt hại nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại và toàn bộ tài sản trên đất.

Từ những nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T.

[4] Trên cơ sở các chứng cứ thu thập trong quá trình tố tụng, và việc tham khảo nội dung quyết định giám đốc thẩm số 21/2022/QĐGĐT-HC ngày 29/8/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (giải quyết vụ án tương tự), Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

- Tại mục b, khoản 2, Điều 5 Quy định về Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Thuận, áp dụng từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2019 ban hành kèm theo Quyết định số 59/2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận xác định đất vị trí 1 là các thửa đáp ứng được đủ 04 điều kiện, gồm: Nằm tiếp giáp các trục đường giao thông rộng từ 6m trở lên; Có khoảng cách tính theo đường vận chuyển tới khu dân cư hoặc điểm tập trung dân cư không quá 500m; Có độ phì từ mức trung bình trở lên; Chủ động được nước tưới tiêu từ 70% trở lên.

- Theo danh mục các vùng có mức nước tưới tiêu chủ động từ 70% trở lên vào thời điểm năm 2014 trên địa bàn tỉnh Bình Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 3403/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận thì xã C không có tên trong danh mục này.

- Đối chiếu quy định trên thì diện tích 13.390,2m<sup>2</sup> của bà T bị thu hồi thuộc xã C nên không thuộc trường hợp chủ động tưới tiêu 70% trở lên. Như vậy, Ủy ban nhân dân huyện T1 xác định phần đất này là vị trí 5 do không đáp ứng được điều kiện nào trong 04 điều kiện là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng bà T tự đào ao nuôi tôm nên thuộc trường hợp chủ động được nước tưới tiêu từ 70% trở lên là không phù hợp với Quyết định số 3403/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận nêu trên. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm

chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T, hủy một phần Quyết định 1186/QĐ-UBND ngày 05/5/2017 và hủy các quyết định hành chính có liên quan đến quyết định bị kiện là không có căn cứ.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

[6] Án phí:

Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận không phải chịu.

Án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên người có kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính;

I. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận; Sửa bản án sơ thẩm số 01/2022/HC-ST ngày 07/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Áp dụng: Điều 74, Điều 75, Điều 83, Điều 84 Luật đất đai 2013; Điều 19, 20, 21, 22 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc:

- Hủy Điều 1 của Quyết định số 1186/QĐ-UBND ngày 05/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị T;

- Hủy Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 26/02/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị T;

- Hủy Quyết định số 1034/QĐ-UBND ngày 13/02/2015 của Ủy ban nhân dân huyện T1 về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Nguyễn Thị T thuộc công trình: Khu sản xuất giống thủy sản tập trung tại xã C, huyện T1;

- Hủy Quyết định số 728/QĐ-UBND ngày 03/3/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T1 về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Nguyễn Thị T để giải tỏa thi công công trình: Khu sản xuất giống thủy sản tập trung tại xã C, huyện T1;

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện T1 thực hiện hành vi bồi thường đối với diện tích đất đã thu hồi của gia đình bà T theo giá đất tại vị trí 3;

- Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện T1 bán lại cho bà T 01 lô đất ở khu A3, xã C, đền bù giá trị con đường đất đỏ dài 500m, ngang 4m cho bà T;

- Đền bù toàn bộ tài sản trên đất bị thu hồi cho bà T, đền bù tiền mất thu nhập trên 03 năm với số tiền là 450.000.000 đồng.

2. Án phí hành chính sơ thẩm:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận không phải chịu.

Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0020968 ngày 09/01/2018 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

II. Án phí hành chính phúc thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận không phải chịu, hoàn trả 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008198 ngày 17/02/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- NKK (1);
- NBK (1);
- NLQ (4);
- Lưu (10) 21b (Án TTKY).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Duyên**